TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 4 năm 2020
V/v Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Đinh Thị Thu Huyền
Các hội thẩm nhân dân : 1, Ông Nguyễn Chí Thanh
2, Ông Trần Hữu Thọ
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Thúy Minh - cán bộ Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
Đại diện Viện kiểm sát huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Vũ Anh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2019/ TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc: "Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 và Thông báo mở phiên tòa số 176/2020/TB - TA ngày 02/3/2020 và Thông báo mở phiên tòa số 176/2020/TB - TA ngày 01/4/2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Trần Thị Phú Y - sinh năm 1991
Địa chỉ: Khu 9, xã X, huyện Ta, tỉnh Phú Thọ
(Nay là khu 2, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ). (có mặt)
- ***Bị đơn*****:** Anh Lê Hồng K - sinh năm 1989
Địa chỉ: Khu 9, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ
(Nay là khu 2, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Trongđơn khởi kiện ngày 02/12/2019 và các lời khai tại Toà án,nguyên đơn chị Trần Thị Phú Y trình bày:

Chị kết hôn với anh Lê Hồng K ngày 09/3/2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị Y xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị Y xác nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị Y xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, tài sản riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ, cho vay, đất nông nghiệp: Chị Y xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: chị Y xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2, Phía bị đơn anh Lê Hồng K: Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh Khang đều vắng mặt.

3, Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/02/2020 ông Lê Xuân T (bố đẻ anh Khang) trình bày: Ông là bố đẻ anh K và là bố chồng chị Y. Anh K chị Y có đăng ký kết hôn ngày 09/3/2017, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ(Nay là xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn anh chị ở cùng gia đình nhà ông, thời gian đầu tình cảm vợ chồng anh chị bình thường nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng anh chị chưa có con chung, chung sống không hạnh phúc nên chị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ đầu năm 2019 đến nay, hai bên gia đình có dàn xếp nhưng không được. Nay chị Y làm đơn ly hôn anh K, Tòa án đã gửi các giấy báo cho anh K đến Tòa án làm việc ông đã nhận được đầy đủ và thông báo cho anh K, anh K cũng đồng ý ly hôn với chị Y nhưng anh K bận công việc làm ăn nên không đến Tòa án làm việc được. Anh K, chị Ykhông có con chung, không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay. Quan điểm của ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Y được ly hôn anh K.

4, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Bngày 05/02/2020 thấy rằng anh K, chị Y đều có hộ khẩu thường trú tại Khu 9, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu 2, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ). Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 09/3/2017, đăng ký kết hôn tại UBND xã X , huyện T, tỉnh Phú Thọ(Nay là xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng thời gian đầu bình thường, đến đầu năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị Y về nhà mẹ đẻ chị ở, từ đó vợ chồng sống ly thân. Nay chị Y xin ly hôn anh K, Tòa án có gửi các giấy báo cho anh K, địa phương đều đã nhận được và giao đầy đủ cho gia đình anh K, ông T đã nhận thay cho anh K. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Y được ly hôn anh K.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí toà án. Xử cho chị Trần Thị Phú Y được ly hôn anh Lê Hồng K. Về con chung, tài sản chung, công sức, nợ, cho vay không có nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Phú Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh K đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1, □iều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Tam Nông tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Y và anh K là hoàn toàn hợp pháp, được UBND xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ) cho đăng ký kết hôn ngày 09/3/2017. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị Y và anh K đ-ược tự nguyện tìm hiểu nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị Yên cho rằng sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị Y xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh K. Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh K có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị Y và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/02/2020 ông Lê Xuân T (bố đẻ anh K) trình bày: Anh K chị Ycó đăng ký kết hôn ngày 09/3/2017, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh P(Nay là xã B, huyện T , tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn anh chị ở cùng gia đình nhà ông, thời gian đầu tình cảm vợ chồng anh chị bình thường nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng anh chị chưa có con chung, vợ chồng anh chị chung sống không hạnh phúc nên chị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ đầu năm 2019 đến nay, hai bên gia đình có dàn xếp nhưng không được. Nay chị Y làm đơn ly hôn anh K, anh K cũng đồng ý ly hôn với chị Y nhưng anh K bận công việc làm ăn nên không đến Tòa án làm việc được. Ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Y được ly hôn anh K. Ngày 05/02/2020 Tòa án nhân dân huyện Tđã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị Y và anh K được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị thời gian đầu bình thường, đến đầu năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị Y về nhà mẹ đẻ chị ở, từ đó vợ chồng sống ly thân. Nay chị Y xin ly hôn anh K quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Y được ly hôn anh K. Vì vậy cần xử cho chị Y được ly hôn anh K là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, đất nông nghiệp, công sức: chị Y xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Y phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐINH

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1, Xử: cho chị Trần Thị Phú Y được ly hôn anh Lê Hồng K.

2, Về án phí ly hôn sơ thẩm **:** Chị Trần Thị Phú Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Y đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002510 ngày 03/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền

Nơi nhận:
- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự
- UBND xã Bắc Sơn.
- Lưu HS - VP